

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 4 - 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Trần Ngọc Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 509/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Thị P, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chị P vắng mặt, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vũ Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ liên hệ: Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Đỗ Thị P vắng mặt, có bản trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, chị kết hôn với anh T vào năm 2008 tại UBND xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, ban đầu sống chung hạnh phúc. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có 02 con chung là các cháu Vũ Thành K, sinh năm 2009 và cháu Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013. Sau đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quan điểm sống không giống nhau, cuộc sống không hạnh phúc như trước. Chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng hoàn toàn chấm hết, cuộc sống và quan hệ vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là các cháu Vũ Thành K, sinh năm 2009 và cháu Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013. Tuý ý của các cháu, sẽ ở với cha hay với mẹ. Nay các cháu có nguyện vọng ở với cha thì chị cũng đồng ý, chấp nhận để

cha nuôi hai cháu.

***Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:** Sau thời gian quen, tìm hiểu khoảng gần 2 năm thì anh kết hôn với chị Đỗ Thị P vào năm 2008 tại UBND xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, ban đầu sống chung hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng thì việc xảy ra mâu thuẫn là không tránh khỏi. Cuộc sống thì cùng nhau vun vén, hạnh phúc. Mâu thuẫn cách đây hơn một năm, từ khi chị P làm ở T do đi làm nhưng không về đúng giờ mà luôn về trễ, anh có tìm hiểu về nơi làm việc của vợ nhưng chị P không cho biết. Anh T nghĩ chị P có người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Anh đã chấp nhận, bỏ qua để vợ chồng cùng nhau hàn gắn hạnh phúc. Tuy nhiên, hai vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị P bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Về việc mâu thuẫn vợ chồng thì anh cũng đã xin lỗi để chị P về và vợ chồng cùng nhau chăm sóc con, anh T còn nhờ bố ruột lên tận nhà của chị P để nói chuyện với gia đình, cũng chỉ mong vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị P không về. Từ khi không còn ở chung với nhau nữa thì chị P cũng chặn số, không liên lạc nên anh T không thể gặp được chị P cũng như hỏi thăm tình hình của chị P. Hai bên không còn ở với nhau đã hơn một năm. Anh T cũng không biết chị P đang sinh sống và làm việc cụ thể ở đâu. Nay, chị P nhất quyết không chịu hàn gắn hạnh phúc gia đình nên anh T chấp nhận, yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn cho anh chị để mỗi bên có cuộc sống riêng ổn định.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Vũ Thành K, sinh năm 2009 và cháu Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013. Các cháu hiện nay đang ở với anh T tại A, thành phố T. Khi ly hôn, các cháu có nguyện vọng ở anh thì anh cũng đồng ý và vui vẻ nuôi con. Còn việc cấp dưỡng nuôi các cháu thế nào thì tùy vào mẹ của các cháu, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T chạy xe ba gác, thu nhập hàng tháng hơn 10.000.000 đồng mỗi tháng, đủ khả năng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/02/2024 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, Phú Yên xác định vợ chồng anh Vũ Văn T và chị Đỗ Thị P không còn chung sống với nhau tại thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên đã hơn 01 năm nay. Chị Đỗ Thị P không có ở địa phương, xã con chung Vũ Thành K, sinh năm 2009, Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013 hiện đang ở với cha Vũ Văn T. Xã không tiếp nhận thông tin phản ánh gì về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị P cũng như cách đối xử không tốt của cha đối với các cháu K, K1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, không có trình bày tại phiên tòa.

Bị đơn trình bày: Chấp nhận ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết. Về con chung, chấp nhận nuôi hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao các con chung Vũ Thành K, sinh năm 2009, Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013 cho bị đơn chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con do bị đơn T tự nguyện không yêu cầu nguyên đơn Phận cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Đỗ Thị P yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Vũ Văn T có địa chỉ tại Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Đỗ Thị P vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Đỗ Thị P và bị đơn Vũ Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 29/4/2008, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì không hợp nhau, cách nhìn nhận và xử sự trong cuộc sống khác nhau dẫn đến vợ chồng không đồng quan điểm, cuộc sống gia đình không hoà hợp, hạnh phúc. Hai bên đã không ở với nhau thời gian đã hơn một năm, trong thời gian đó, các bên không ai quan tâm, hỏi han lẫn nhau, không còn cuộc sống gia đình, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn trình bày khi chị P bỏ đi thì không liên lạc gì với anh T, không cho cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị P không còn tình cảm thì anh T cũng chấp nhận ly hôn để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung đã hơn 01 năm, các đương sự không còn trách nhiệm và tình thương cho nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Vũ Thành K, sinh năm 2009 và cháu Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013. Hiện nay, hai cháu đang ở với cha. Nguyên đơn đồng ý giao các con chung cho cha nuôi. Bị đơn đồng ý nuôi

các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các con chung có nguyện vọng ở với cha. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử xét giao các cháu K, K1 cho bị đơn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn Vũ Văn T không yêu cầu nguyên đơn Phận cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đỗ Thị P được ly hôn với bị đơn Vũ Văn T.

2. *Về con chung*: Giao các con chung Vũ Thành K, sinh năm 2009 và cháu Vũ Nguyên K1, sinh năm 2013 cho bị đơn Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn Đỗ Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Đỗ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0012724 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn Phận đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND xã An Phú (số 15/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên